TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2019
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước.**
2. Bà **Nguyễn Hồng Lành.**

Thư ký Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Ngân -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2019/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019, về việc: "***Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2019/QĐTS-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Võ Th.B** - sinh năm 1992. Địa chỉ: ẤpL, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Nguyễn H.Th** - sinh năm 1991. Địa chỉ: ẤpL, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Võ Th.B trình bày và yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B xác định chị và anh Th sống chung như vợ chồng từ năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do có nhiều bất đồng trong cuộc sống, nên chị B và anh Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được dẫn đến vợ chồng đã ly thân vào cuối tháng 02 năm 2019

cho đến nay. Chị B xác định chị không còn tình cảm với anh Th nên yêu cầu được ly hôn anh Th.

- Về con: Chị B và anh Th có một con chung tên Nguyễn H.D - sinh ngày 22 tháng 02 năm 2017, cháu D đang sống chung với chị B. Chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung khi ly hôn, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Ngày 07 tháng 6 năm 2019 chị B rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Th.

- Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị B yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe hiệu Exciter 150 trị giá 54.000.000đ. Ngày 07 tháng 6 năm 2019 chị B rút yêu cầu chia tài sản chung nêu trên đối với anh Nguyễn H.Th.

- Về nợ: Chị B xác định chị và anh Th không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn H.Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị Võ Th.B.

*** Tại phiên tòa:**

- Các đương sự vắng mặt, không có nộp văn bản thể hiện ý kiến khác với ý kiến đã trình bày tại Tòa án.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị B được ly hôn anh Th.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn H.D - sinh ngày 22 tháng 02 năm 2017 cho chị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị B đối với anh Th.

+ Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe hiệu Exciter 150 trị giá 54.000.000đ của chị B đối với anh Th.

+ Về nợ: Đương sự xác định không có nợ chung, không đặt ra xem xét giải quyết.

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Chị B và anh Th tự nguyện sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

- Chị B và anh Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không thể hàn gắn được. Chị B xác định chị không còn tình cảm với anh Th nên yêu cầu được ly hôn anh Th.

- Chị B và anh Th có 01 con chung đang sống chung với chị B là cháu Nguyễn H.D - sinh ngày 22 tháng 02 năm 2017. Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn và rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Chị B rút yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe hiệu Exciter 150 trị giá 54.000.000đ đối với anh Th.

- Chị B và anh Th không có nợ chung.

- Anh Th không nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh Th đối với yêu cầu và trình bày của chị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Th.B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn H.Th, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do chị B có đơn yêu cầu được vắng mặt và anh Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị B và anh Th trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của chị B về hôn nhân:

[3.1] Chị B và anh Th tự nguyện sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Do trong thời gian chung sống chị B và anh Th có nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân, hiện tại chị B đã không còn tình cảm với anh Th nên yêu cầu được ly hôn anh Th.

[3.2] Xét thấy, hôn nhân phải được xây dựng bằng tình cảm của cả vợ và chồng, nên việc chị B xác định không còn tình cảm với anh Th, không muốn tiếp tục cuộc sống chung với anh Th chứng tỏ đời sống của chị B và anh Th có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân đang trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ngay từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Th, anh Th biết được việc chị B yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con đối với anh Th, đồng thời Tòa án cũng đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với anh Th, nhưng anh Th không đến theo giấy triệu tập của Tòa án; Điều này chứng tỏ anh Th đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Th, không mong muốn tiếp tục hôn nhân với chị B, hiện tại chị B cũng không còn tình cảm với anh Th, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị B được ly hôn anh Th.

[4] Xét về con chung: Chị B và anh Th không có tranh về nuôi con chung, anh Th cũng không có ý kiến về con chung và hiện tại chị B là người đang trực tiếp nuôi con chung. Do cháu Nguyễn H.D đã có cuộc sống chung ổn định với chị B,

đồng thời cháu D sinh vào ngày 22 tháng 02 năm 2017, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu D dưới 36 tháng tuổi. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên dưới 36 tháng tuổi, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn H.D cho chị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Th có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được quyền cản trở.

Do chị B rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị B đối với anh Th.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Do chị B rút yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe hiệu Exciter 150 trị giá 54.000.000đ đối với anh Th, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu chia tài sản của chị B đối với anh Th.

[6] Về nợ: Chị B xác định chị và anh Th không có nợ chung và anh Th không không có ý kiến về nợ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về chi phí tố tụng: Chị B tự nguyện chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Chị B đã nộp tạm ứng chi phí là 3.500.000đ, đã chi cho việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 2.455.000đ, chị B được nhận lại số tiền 1.045.000đ tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

[8] Về án phí trong vụ án: Chị B phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 975.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013963 ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ, chị B được nhận lại số tiền 675.000đ. Anh Th không phải chịu án phí.

[9] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; 9; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Th.B đối với anh Nguyễn H.Th, chị Võ Th.B được ly hôn anh Nguyễn H.Th.

2. Về quyền nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng:

- Giao con chung của chị B và anh Th là cháu Nguyễn H.D sinh vào ngày 22 tháng 02 năm 2017 cho chị B trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị B đối với anh Th.

3. Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe hiệu Exciter 150 trị giá 54.000.000đ của chị B đối với anh Th.

4. Về chi phí tố tụng: Chị B tự nguyện chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Chị B đã nộp số tiền 3.500.000đ, đã chi cho việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 2.455.000đ, chị B được nhận lại số tiền 1.045.000đ tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

5. Về án phí: Buộc chị Võ Th.B phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 975.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013963 ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ, chị B được nhận lại số tiền 675.000đ. Anh Th không phải chịu án phí.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.